

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Nghiêm**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Huy**
2. Ông **Đình Quang Huân**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Phương Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên toà: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án HN&GD thụ lý số: 453/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa do dịch bệnh Covid-19 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Diệp Thu L, sinh năm 1984; HKTT: Tập thể Y, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội; hiện ở: phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn - có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn K, sinh năm 1974; HKTT và chỗ ở: tập thể Y, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội – Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/5/2019 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án của chị Diệp Thu L trình bày như sau:

Tôi và anh Nguyễn K được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội vào ngày 25/3/2010. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại Tập thể Y, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Năm 2017 anh K vi phạm pháp luật và bị đi cải tạo 18 tháng, sau khi anh K trở về thì nghi tôi có quan hệ ngoại tình với người khác nên thường đánh đập tôi. Anh K nghiện ma túy, tôi đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tôi đã bỏ về ở cùng bố mẹ để ở tỉnh Bắc Kạn từ tháng 3/2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau cả về

kinh tế lẫn tình cảm. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ, tôi đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn anh Nguyễn K.

- **Về con chung:** Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 11/5/2011. Hiện nay cháu C đang sống cùng anh K tại tập thể Y, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội. Ly hôn, tôi có nguyện vọng để anh K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Chi để không làm ảnh hưởng đến học hành, sinh hoạt của cháu. Tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng (*hai triệu đồng/tháng*) cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- **Về tài sản chung, nhà đất chung:** không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ **Về công nợ chung:** Tôi khẳng định vợ chồng không có công nợ chung. Nếu sau khi ly hôn có người yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ chung của vợ chồng thì chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

+ **Về án phí:** Tôi tự nguyện chịu cả án phí theo quy định pháp luật tôi đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bị đơn:*Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2019 anh Nguyễn K trình bày như sau:*

* Về tình cảm: Về điều kiện kết hôn anh K thống nhất trình bày của chị L. Tuy nhiên, anh cho rằng anh không đánh đập chị, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L không quan tâm đến gia đình, hay so sánh đổ kị nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng; ngoài ra chị L vay mượn tiền của nhiều người, họ đến đòi không có trả nên chị L bỏ nhà đi từ tháng 3/2018 đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau cả về kinh tế lẫn tình cảm. Nhưng anh không muốn ly hôn vì cháu Nguyễn Bảo C còn nhỏ anh không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 11/5/2011. Hiện nay cháu C đang sống cùng anh K tại tập thể Y, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội. Ly hôn, anh K có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C. Anh K không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh K hiện làm lái xe bus thu nhập ổn định 12 triệu đồng/tháng.

* Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh xác nhận vợ chồng không có, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về công nợ chung: Anh khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, không cho ai vay. Nếu sau khi ly hôn có người yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vay mượn của anh chị thì anh chị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì tham gia phiên toà xác định:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định, như: Điều tra, xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Diệp Thu L; cho chị L được ly hôn anh K; giao con chung là cháu Nguyễn Bảo C cho anh K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị L với số tiền 2.000.000 đồng/tháng (*hai triệu đồng/tháng*) cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh xác nhận vợ chồng không có nên không xét. Chị L chịu án phí ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; ý kiến quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

1. Về tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu và có nơi cư trú tại địa bàn huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, 7 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án anh K thường không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Anh K cho rằng chị L có vay mượn tiền của nhiều người nhưng không trình bày, không cung cấp được địa chỉ của những người mà chị L vay. Chị L khẳng định không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vay nợ chị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Do vậy, việc trình bày của anh K là không có cơ sở để xem xét [1].

2. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội vào ngày 25/3/2010, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị đã ly thân từ tháng 3/2018 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án,

Tòa án đã khuyên giải cho anh K, chị L về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng chị L vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh K là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh K là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp thuận đơn xin ly hôn của chị L; áp dụng Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L được ly hôn với anh K là có căn cứ [2].

3. Về con chung: Xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo C. Hiện nay cháu C đang sống cùng anh K tại tập thể Y, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội. Để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt, học tập của cháu và nguyện vọng của cháu nên gia oanh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu C là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị L là 2.000.000đồng/tháng (*hai triệu đồng/tháng*) cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Anh chị xác nhận không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét [4].

5. Về công nợ: Anh chị khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì chị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật [5].

6. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm [6].

7. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh K có quyền kháng cáo bản án theo luật định [7].

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Diệp Thu L đối với anh Nguyễn K. Chị L được ly hôn với anh K.

2. **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Bảo C cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung

của chị L là 2.000.000 đồng/tháng (*hai triệu đồng/tháng*) kể từ tháng 06/2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh chị xác nhận không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về công nợ: Anh K, chị L khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì chị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

5. Về án phí: Chị Diệp Thu L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009111 ngày 27/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật ./.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đỗ Văn Nghiêm